



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Số: 152 / BC - DEIDCO

Đà Nẵng, ngày 03 tháng 01 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC

ĐÀ NẴNG

Năm 2023

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch : Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0400568767
- Vốn điều lệ : 50.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 50.000.000.000 đồng
- Địa chỉ : 145 Lê Lợi, phường Hải Châu 1, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
- Số điện thoại : (0236) 3889950 - (0236) 3889954
- Số fax : (0236) 3889957
- Website : Iseebooks.vn
- Mã cổ phiếu : DAD

- Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng ra đời trên cơ sở thành lập mới, với cổ đông sáng lập chính là Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và các cổ đông góp vốn khác, bao gồm tất cả cán bộ công nhân viên của Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Đà Nẵng.

Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 311/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203001382 ngày 04/04/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 8 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 08 tháng 06 năm 2017 với mã số doanh nghiệp là 0400568767

- Các sự kiện khác : Không

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

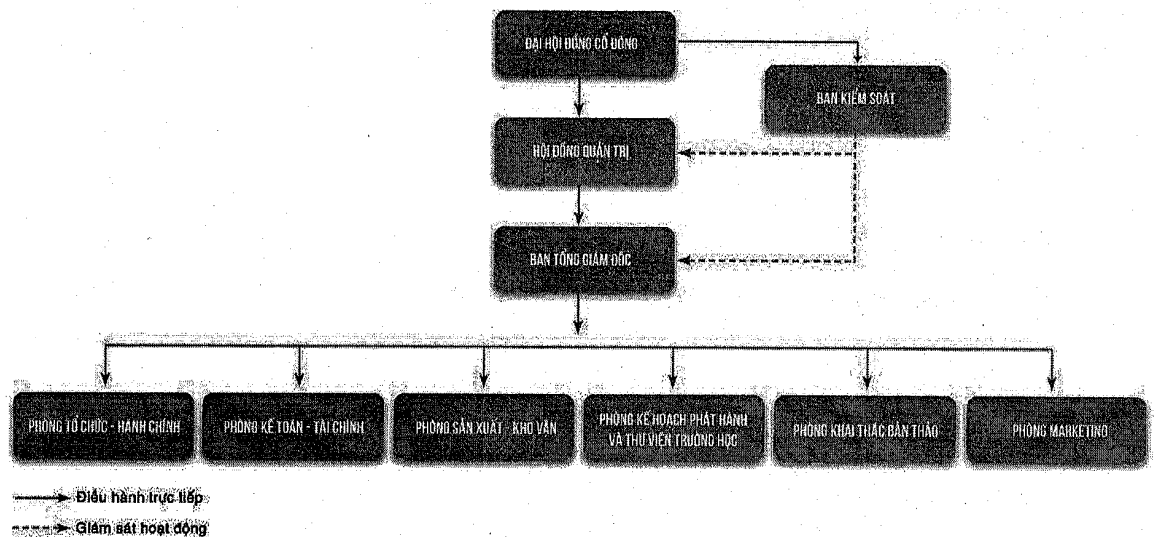
- Ngành nghề kinh doanh:

- Tổ chức liên kết xuất bản, in và phát hành các loại sách bổ trợ sách giáo khoa và các ấn phẩm khác;
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh và lịch các loại;
- Kinh doanh dịch vụ địa ốc; Kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi, mặt bằng kinh doanh, văn phòng làm việc.
- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng dân dụng;
- Kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi, mặt bằng kinh doanh, văn phòng làm việc;
- Dạy nghề; Đào tạo nghề, tin học, ngoại ngữ.
- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm.

- Địa bàn kinh doanh: Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Gia Lai, KomTum, Phú Yên, Khánh Hòa.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a. Mô hình quản trị



b. Cơ cấu bộ máy quản lý:

+ Hội đồng quản trị có năm thành viên được Đại hội cổ đông bầu ra có nhiệm kỳ từ năm 2022→2027.

+ Ban kiểm soát gồm ba thành viên được Đại hội cổ đông thường niên bầu ra có nhiệm kỳ từ năm 2022→2027.

+ Ban Tổng Giám Đốc, Kế toán trưởng được hội đồng quản trị Công ty bầu ra có nhiệm kỳ từ năm 2022→2027. Ban Tổng Giám đốc gồm có bốn thành viên gồm: Tổng Giám đốc, hai phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.

c. Các công ty con, công ty liên kết:

Nội dung	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Vốn góp (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Ghi chú
CÔNG TY CON: Không						
CÔNG TY LIÊN KẾT						
CTCP In và Dịch vụ Đà Nẵng	420 Lê Duẩn, Đà Nẵng.	Sản xuất, in sách	11	2,53	20%	
CTCP Sách & TB Bình Định	219 Nguyễn Lữ, Bình Định.	Mua bán sách	11,264	2,92	25,92%	

4. Định hướng phát triển

Hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần, mục tiêu hoạt động của Công ty là không ngừng tích lũy và nâng cao năng lực sản xuất; mở rộng thị phần; đảm bảo gia tăng giá trị doanh nghiệp, lợi ích hợp pháp của cổ đông và góp phần vào việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

a. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Phát triển Công ty một cách ổn định, bền vững, phải bảo toàn được nguồn vốn và mang lại lợi ích cho cổ đông, đồng thời đảm bảo đời sống cho cán bộ nhân viên.

b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Ổn định cơ cấu, bộ máy quản lí.
- Tập trung nguồn lực về tài chính, tiếp tục tăng cường nhân sự có trình độ chuyên môn cao, xây dựng đội ngũ tác giả, chuyên gia, cộng tác viên có kinh nghiệm để tổ chức, phát hành bộ sách giáo khoa mới của NXBGD VN và phát triển các dòng sản phẩm mới theo nhu cầu của thị trường.
- Tiếp tục đầu tư, chi phí nhiều nhưng vẫn gắng giữ vững chỉ tiêu lợi nhuận, cố gắng theo kế hoạch.
- Doanh thu, lợi nhuận đạt được phải đảm bảo lợi ích của người lao động, chi trả cổ tức cho cổ đông và có nguồn tích lũy để tái cơ cấu mở rộng cho những năm tiếp theo.
- Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lí, điều hành, sản xuất – kinh doanh để nâng cao hiệu quả lao động, tạo ra các dòng sản phẩm mới được tích hợp với học liệu điện tử có khả năng cạnh tranh cao, chống in lậu.
- Cần chú trọng đến việc xây dựng hình ảnh và thương hiệu, giữ gìn môi trường, thực hiện trách nhiệm xã hội.
- Tiếp tục cải tiến chế độ trả lương, trả thưởng đối với người lao động cho phù hợp với cơ chế thị trường, gắn quyền lợi với năng suất lao động.
- Đảm bảo đời sống vật chất, tinh thần ổn định và phát triển cho người lao động.

c. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.

- Văn tập trung phát triển những ngành nghề chủ đạo hiện có của Công ty theo hướng chiều sâu.
- Chuẩn bị mọi nguồn lực về tài chính, nhân sự.
- Công ty luôn chú trọng công tác bảo vệ môi trường lành mạnh.
- Công ty đã có nhiều năm thực hiện tốt trách nhiệm và nhiệm vụ đối với xã hội và cộng đồng, chung tay chung sức cùng chính quyền thực hiện chương trình hỗ trợ xây dựng nhà tình nghĩa cho gia đình các thầy, cô giáo có hoàn cảnh khó khăn; tài trợ cho quỹ trẻ em Việt Nam, trao tặng hàng trăm suất quà và sách vở cho các cháu học sinh nghèo vượt khó, các gia đình có hoàn cảnh khó khăn và hỗ trợ các chương trình Giáo dục khác...
- Cấp phát tài liệu hỗ trợ miễn phí cho giáo viên

5. Các rủi ro: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường, thiên tai, dịch bệnh,...)

a. Rủi ro về kinh tế

Việt Nam sẽ phải dè chừng nguy cơ từ xu thế tăng trưởng chậm lại của nền kinh tế Thế giới trong thập niên tới, mâu thuẫn chính trị, chính sách tiền tệ khó dự đoán của các nước, nợ công cao sẽ mang đến những thách thức lớn khó lường.

Tuy nhiên, ngành giáo dục vẫn là một trong những ngành tiềm năng vì Việt Nam là đất nước có dân số trẻ, nhu cầu đối với giáo dục đào tạo lớn. Đây cũng là một bước chuyển mình trong giai đoạn khó khăn, tiếp cận gần hơn với công nghệ 4.0 trong giáo dục nhằm giải quyết các vấn đề tồn tại hiện nay và cũng là động lực thúc đẩy nền giáo dục phát triển hòa nhập với xu thế mới của Thế giới.

b. Rủi ro về luật pháp

Thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Trung ương, Quốc hội, Chính phủ và Bộ GD&ĐT về đổi mới chương trình và SGK, theo đó sẽ có một chương trình và có nhiều bộ sách giáo khoa được áp dụng từ năm 2020. Vì vậy, trong các năm tiếp theo, nếu DAD không chủ động đề nắm bắt, xây dựng chiến lược và kế hoạch nhân sự, phát triển sản xuất kinh doanh phù hợp với xu thế này thì sẽ bị ảnh hưởng.

c. Rủi ro về môi trường

Quá trình sản xuất tạo ra sản phẩm của DAD theo đánh giá thì không gây nhiều tác động tiêu cực đến môi trường. Tuy nhiên, nguyên liệu đầu vào chủ yếu trong quá trình sản xuất của DAD lại là giấy và mực in, đây là hai loại nguyên liệu cần sử dụng một lượng lớn các hóa chất có ảnh hưởng đến môi trường để xử lý, qua đó gián tiếp ảnh

hướng đến môi trường. Ngoài ra, trong quá trình sản xuất cũng cần đến một lượng lớn nguyên liệu như điện, nước, xăng, dầu... Với nhu cầu ngày càng cao thì nhu cầu sử dụng các nguồn năng lượng trên càng lớn.

Ý thức được vấn đề bảo vệ môi trường, đồng thời hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, DAD ưu tiên sử dụng các nguyên liệu từ sản phẩm tái chế, áp dụng các biện pháp tiết kiệm nguyên liệu.

d. Rủi ro về thiên tai, dịch bệnh

Kể từ khi được công bố chính thức vào Tháng 12/2019 thì dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của virus Covid đã và đang có nhiều tác động tiêu cực đến các hoạt động kinh tế xã hội, không chỉ ở Trung Quốc, các quốc gia lân cận mà còn lây lan đến rất nhiều quốc gia trên thế giới. Diễn biến phức tạp trong thời gian gần đây cho thấy thời điểm kiểm soát dịch còn chưa xác định được.

Dịch bệnh khiến cho môi trường chính trị, kinh tế, xã hội toàn cầu càng trở nên bất trắc, thúc đẩy tâm lý phòng vệ, do đó làm suy yếu động lực đầu tư. Như vậy, dịch đã ảnh hưởng trên phạm vi toàn cầu, gây gián đoạn chuỗi cung ứng nhiều sản phẩm hàng hóa của thế giới, đình trệ trong sản xuất kinh doanh, suy giảm nhu cầu tạm thời từ Trung Quốc đối với các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ, ảnh hưởng tới tăng trưởng của khu vực và toàn cầu. Việt Nam có đường biên giới dài với Trung Quốc và là trung tâm giao thương sầm uất nên việc tắc biên, tạm ngưng giao thương đã ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế của Việt Nam.

Thị trường tài chính được coi là hàn thử biểu cho sức khoẻ tài chính của một nền kinh tế và niềm tin, kỳ vọng của nhà đầu tư vào triển vọng sinh lời của các doanh nghiệp và tăng trưởng kinh tế. Những cú sốc tiêu cực như dịch bệnh Covid-19 đưa đến khung cảnh kinh tế ảm đạm, giảm niềm tin của nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán, và đưa đến các điều chỉnh sụt giảm. Ở đây, tiêu dùng giảm, hoạt động xuất nhập khẩu gặp khó khăn là các nguyên nhân chính.

e. Rủi ro đặc thù

Nền kinh tế thị trường cùng với việc hội nhập đặt ra cho DAD nhiều những cơ hội cũng như nhiều thách thức mới. Trong quá trình Nhà nước cắt bỏ dần dần cơ chế độc quyền kinh doanh, hoạt động trong môi trường cạnh tranh ngày càng gay gắt sẽ gây sức ép tới mọi hoạt động của Công ty, buộc Công ty phải luôn đổi mới và có những chiến lược kinh doanh trong từng thời kỳ phù hợp.

Nền kinh tế thị trường với sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt hơn đòi hỏi Công ty phải luôn không ngừng nỗ lực để có thể đứng vững và phát triển. Muốn vậy, Công ty phải có một bộ máy quản lý giỏi, tâm huyết và giàu kinh nghiệm. Đây cũng là một trong những rủi ro và thách thức đối với Công ty trong cả hiện tại và tương lai.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	Tỉ lệ % thực hiện so với kế hoạch 2023
1	+ Doanh thu	Tỷ đồng	385	442,8	115%
2	+ Lợi nhuận	,,	18,5	18,5	100%
3	+ Cổ tức	%	Tối thiểu 15%	Tối thiểu 15%	

2. Tổ chức và nhân sự

a. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:

- 1. Tổng Giám đốc** : **Nguyễn Quang Dũng**
 - Chức vụ : Phó chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty CP Đầu tư & Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
 - Giới tính : Nam
 - Ngày tháng năm sinh : 12/12/1979
 - Nơi sinh : Quảng Nam
 - Quốc tịch : Việt Nam
 - Trình độ văn hóa : 12/12
 - Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
 - Số cổ phần nắm giữ : 14.800 cổ phiếu
 - Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- 2. Phó Tổng Giám đốc** : **Huỳnh Ngọc Bảo**
 - Giới tính : Nam
 - Ngày tháng năm sinh : 11/12/1979
 - Nơi sinh : Tỉnh Quảng Ngãi
 - Quốc tịch : Việt Nam
 - Trình độ văn hóa : 12/12
 - Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
 - Số cổ phần nắm giữ : 17.600 cổ phiếu
 - Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- 3. Phó Tổng Giám đốc** : **Nguyễn Duy Nhâm**
 - Giới tính : Nam
 - Ngày tháng năm sinh : 07/07/1973
 - Nơi sinh : Tỉnh Hải Dương
 - Quốc tịch : Việt Nam
 - Trình độ văn hóa : 12/12
 - Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
 - Số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phiếu
 - Hành vi vi phạm pháp luật : Không

- 4. Kế toán trưởng** : Lê Ngọc
- Giới tính : Nữ
 - Ngày tháng năm sinh : 30/05/1974
 - Nơi sinh : TP Hạ Long
 - Quốc tịch : Việt Nam
 - Trình độ văn hóa : 12/12
 - Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
 - Số cổ phần nắm giữ : 18.000 cổ phiếu
 - Hành vi vi phạm pháp luật : Không

b. Những thay đổi trong Ban điều hành: Không phát sinh.

c. Số lượng cán bộ, nhân viên:

Ngay từ khi mới thành lập, Công ty đã xác định yếu tố con người là nhân tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển của Công ty. Chính vì vậy, cùng với việc thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty luôn chú trọng công tác xây dựng và thường xuyên bồi dưỡng kiến thức chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ công nhân viên của Công ty. Hơn thế nữa, Công ty luôn chăm lo đến mọi mặt về đời sống vật chất cũng như tinh thần cho CBCNV, tạo nên những yếu tố để kích thích nhằm tăng năng suất lao động, đạt hiệu quả cao trong kinh doanh và hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Về cơ cấu tổ chức, Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng hiện có:

+ Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban TGD và 6 Phòng chuyên môn (gồm: phòng Sản xuất - Kho vận; phòng KHPH & TVTH; phòng Khai thác bán thảo; phòng Kế toán - Tài chính, phòng Tổ chức - Hành chính và phòng Marketing).

+ Chi bộ Đảng, Công đoàn cơ sở, Chi đoàn TNCS Hồ Chí Minh (sinh hoạt chung với Chi đoàn NXBGD tại TP. Đà Nẵng)

+ Tổng số CBNV: 58 người (6 thạc sĩ, 33 cử nhân, 19 cao đẳng, THCN, THPT);

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a. Các khoản đầu tư lớn:

- Năm 2023 Công ty không thực hiện các khoản đầu tư lớn.

b. Các công ty liên kết:

(Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên kết)

đvt: tỷ đồng.

Nội dung	Địa chỉ	Doanh thu năm 2023	Lợi nhuận trước thuế năm 2023
CÔNG TY LIÊN KẾT			
CTCP In và Dịch vụ Đà Nẵng	420 Lê Duẩn, Đà Nẵng	49,9	2,5
CTCP Sách & Thiết bị Bình Định	219 Nguyễn Lữ, Bình Định	64,5	1,2

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	167.445	166.403	-0,6
Doanh thu thuần	366.531	439.810	20,0
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	80.836	81.241	0,5
Lợi nhuận khác	2,1	365,1	17451,0
Lợi nhuận trước thuế	19.406	18.523	-4,6
Lợi nhuận sau thuế	14.461	14.116	-2,4
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	48,3%	49,5%	2,4

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,93	2,07	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>	1,34	1,67	
Nợ ngắn hạn			
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,44	0,41	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,77	0,70	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
Vòng quay hàng tồn kho:			
+ Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	8,21	10,22	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	2,19	2,64	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,04	0,03	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,15	0,14	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,09	0,08	
+ Hệ số Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,05	0,04	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a. Cổ phần:

Tổng số cổ phần phổ thông : 5.000.000 cổ phần

Số lượng cổ phần lưu hành : 4.659.200 cổ phần

Cổ phiếu thường : 5.000.000 cổ phần

Cổ phiếu ưu đãi : 0 cổ phần

Số lượng cổ phiếu quỹ : 340.800 cổ phần

b. Cơ cấu cổ đông:

Theo danh sách cổ đông chốt ngày 28/02/2023, Công ty có cơ cấu cổ đông như sau:

Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
NHÀ NƯỚC	2.075.000	41,50
TRONG NƯỚC, trong đó	1.311.796	26,24
+ Tổ chức:	0	0,00
- Cổ đông lớn	0	0,00
- Cổ đông nhỏ	0	0,00
+ Cá nhân:	970.996	19,42
- Cổ đông lớn	0	0,00
- Cổ đông nhỏ	970.996	19,42
+ Cổ phiếu quỹ	340.800	6,82
NGOÀI NƯỚC, trong đó	1.613.204	32,26
+ Tổ chức:	1.223.900	24,47
- Cổ đông lớn	877.600	17,54
- Cổ đông nhỏ	346.300	6,93
+ Cá nhân:	389.304	7,79
- Cổ đông lớn	0	0,00
- Cổ đông nhỏ	389.304	7,79
TỔNG CỘNG	5.000.000	100,00

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Cổ phiếu quỹ hiện tại là 340.800 cổ phiếu, trong năm không giao dịch cổ phiếu quỹ.

e. Các chứng khoán khác: Không.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường:

Cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh, hạn chế sử dụng các sản phẩm, nguyên liệu, vật liệu có thành phần độc hại. Sử dụng nguồn nguyên liệu, vật liệu xanh.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Công ty luôn lựa chọn hợp tác với những nhà cung ứng không chỉ đảm bảo chất lượng sản phẩm thân thiện với người dùng mà còn đạt các tiêu chuẩn về môi trường. Bên cạnh đó, Công ty cũng chú trọng đến công tác bảo quản nguồn nguyên vật liệu trong các kho xưởng, đảm bảo đáp ứng mọi tiêu chí cho quá trình bảo quản, không để xảy ra tình trạng thất thoát gây lãng phí nguyên vật liệu.

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

- Sử dụng có hiệu quả các loại năng lượng là một trong những nội dung phát triển bền vững. Công ty đã có nhiều chính sách, hành động để đảm bảo thực hiện mục tiêu đó.

- Tổ chức các đợt kiểm tra, thẩm định định kỳ các máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển; thực hiện bảo trì, sửa chữa các hỏng hóc để các tài sản đạt hiệu suất tốt nhất; tiến hành thay thế các thiết bị đã quá lạc hậu, tiêu tốn nhiều năng lượng mà không cho hiệu quả cao.

- Tuyên truyền, nhắc nhở nội bộ: tắt đèn, quạt khi ra ngoài, khi không cần thiết sử dụng; bật điều hòa ở nhiệt độ không thấp hơn 25°C.

- Thay thế hoàn toàn các bóng đèn dây tóc bằng đèn compact tiết kiệm năng lượng ở khu vực văn phòng và nhà xưởng, kho sách.

- Hưởng ứng phong trào Giờ Trái Đất.

6.4. Tiêu thụ nước:

Công ty nhận thức được nguồn nước là tài nguyên vô giá nhưng không phải vô tận, Công ty luôn trân trọng giá trị của từng giọt nước, phổ biến việc sử dụng hợp lý đến từng cán bộ nhân viên, góp phần vào công tác bảo vệ nguồn nước chung của Việt Nam và thế giới. Công ty đã thực hiện kiểm tra các rò rỉ của hệ thống nước, khắc phục nhanh chóng các hư hỏng, sử dụng các thiết bị tiết kiệm.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Việc thực hiện trách nhiệm xã hội sẽ giúp các doanh nghiệp vừa và nhỏ phát triển bền vững thông qua các hoạt động như tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường, kiểm soát ô nhiễm, tái chế chất thải, tiết kiệm tài nguyên... Công ty cam kết luôn thực hiện đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, cán bộ nhân viên công ty tích cực tham gia các phong trào vì môi trường do Công ty và chính quyền địa phương tổ chức.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

- + Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.
- Số lượng lao động: 58 người.
- Mức lương trung bình đối với người lao động: 18 triệu đồng/ người.
- + Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Để đảm bảo quyền lợi cho người lao động, Công ty thanh toán đầy đủ các khoản BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động. Ngoài ra, để người lao động có sức khỏe tốt và yên tâm làm việc, Công ty còn tổ chức khám chữa bệnh định kì cho tất cả CBCNV.

- + Hoạt động đào tạo người lao động.
- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên.
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Năm 2023, công ty đã chú trọng đến hoạt động xã hội, từ thiện xem đó là trách nhiệm của doanh nghiệp. Tổng mức kinh phí để cho hoạt động này khoảng 2,1 tỷ đồng.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Công ty cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

*Các chỉ tiêu tài chính năm 2023

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2023		Tỉ lệ% so với KH 2023
			Kế hoạch	Thực hiện	
1	Vốn điều lệ	Tỉ đồng	50	50	100
2	Vốn cổ phiếu quỹ	Tỉ đồng	3,4	3,4	100
3	Vốn cổ phiếu lưu hành	Tỉ đồng	46,6	46,6	100
4	Doanh thu	Tỉ đồng	385	442,8	115
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỉ đồng	18,5	18,52	100
6	Tỉ suất LN / VDL	%	0,37	0,37	100
7	Tỉ suất LN / Vốn CP lưu hành	%	0,4	0,4	100
8	Vốn tích lũy	Tỉ đồng	-	41,03	-
9	Cổ tức	%	15	15	-
10	Thu hồi công nợ	%	90	92	102

Với quyết tâm hoàn thành kế hoạch mục tiêu kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao phó, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đưa ra nhiều phương án thực hiện, triển khai kế hoạch, phản ứng kịp thời. Bằng việc nắm chắc các cơ hội, tận dụng thế mạnh nội tại, năm 2023, Công ty đã nỗ lực tạo ra nguồn doanh thu và lợi nhuận ổn định. Cụ thể, tổng doanh thu của Công ty đạt giá trị 442,8 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế ghi nhận giá trị 18,52 tỷ đồng, đạt kế hoạch ĐHCĐ đã đề ra.

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

Tổng tài sản trong năm 2023 của Công ty tương đương với năm 2022. Các khoản phải thu trong năm là 39,38 tỷ đồng nhờ việc tăng cường công tác thu hồi công nợ, đảm bảo nguồn vốn hoạt động kinh doanh. Doanh thu trong năm 2023 tăng 20% so với năm trước.

b. Tình hình nợ

Tình hình nợ hiện tại đã có những biến động như sau: Nợ ngắn hạn của Công ty thời điểm cuối năm 2023 là 68.349 triệu đồng, giảm 4.640 triệu đồng (tương ứng mức giảm 6% so với đầu năm). Doanh thu trong năm 2023 tăng 20% so với năm 2022. Trong năm 2023 vẫn còn một số khoản nợ phải thu quá hạn, công ty cũng đã có biện pháp trích dự phòng cho các khoản nợ quá hạn. Công ty không có các khoản nợ bằng ngoại tệ nên không bị ảnh hưởng bởi chênh lệch của tỉ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trước thách thức trong tình hình thị trường chung, Ban điều hành Công ty chú trọng thực hiện các hoạt động cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý trong năm 2023 như sau:

+ Công ty đã nâng cao hiệu quả quản trị hàng tồn kho, giảm lượng thành phẩm, hàng hóa ứ đọng, khó tiêu thụ.

+ Công ty cũng tiến hành cử các đoàn công tác đến các tỉnh nhằm giới thiệu, tập huấn cho giáo viên về chương trình sách giáo khoa mới, đồng thời quảng bá các ấn phẩm mang thương hiệu DEIDCO đến đông đảo người dùng.

+ Công ty đã tạo điều kiện tốt nhất phát triển nguồn nhân lực Công ty đề bạt, bổ nhiệm các cán bộ có đầy đủ phẩm chất, năng lực vào bộ máy quản lý Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

a. Chỉ tiêu số lượng

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2024
1	Xuất bản	Đề tài	52
1.1	Sách tái bản	Đề tài	25
1.2	Sách in mới (kể cả liên kết xuất bản)	Đề tài	27
2	In và phát hành	Bản	27.933.000
2.1	SBT.SGK	Bản	23.885.340
2.2	SGK tự chọn	Bản	3.290.360
2.3	SBT MR, STK, SP khác	Bản	757.300

b. Chỉ tiêu giá trị

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2024
1	Doanh thu	Đồng	422
2	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	15
3	Tỉ suất lợi nhuận trên VDL	%	30%
4	Tỉ lệ cổ tức	%	Tối thiểu 15%

5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty:

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Công ty luôn ý thức về việc tác động đến môi trường xung quanh. Công ty luôn cam kết thực hiện:

- Xây dựng kế hoạch cung ứng và quản lý vật tư một cách chặt chẽ, tránh để xảy ra tình trạng lãng phí, dư thừa giấy và mực in trong quá trình in ấn.
- Tuân thủ pháp luật và đảm bảo các tiêu chí vệ sinh tác động đến môi trường của Công ty.
- Tăng cường kiểm soát, giám sát, xây dựng biện pháp phòng ngừa ô nhiễm đến môi trường.
- Khuyến khích lao động, nhân viên của Công ty sử dụng sản phẩm thân thiện với môi trường, tái sử dụng trong quá trình kinh doanh.
- Thực hiện kiểm soát sử dụng và nâng cao giải pháp tiết kiệm điện năng, tiến hành thay bóng đèn huỳnh quang bằng bóng đèn led để tiết kiệm chi phí điện năng.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Kiên toàn bộ máy tổ chức lao động hợp lý để phát huy tốt nguồn lực hiện nay. Tổ chức hoạt động, vận hành bộ máy Công ty theo các quy chế của Công ty:

Quy chế nội bộ, Nội quy lao động, Thỏa ước lao động tập thể,...

Tổ chức nâng lương định kỳ hàng năm cho người lao động; Giải quyết các chế độ cho người lao động theo quy định của pháp luật, của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và các quy định nội bộ của Công ty. Tiếp tục cải tiến quy định về lương sản phẩm đảm bảo khích lệ CBCNV đóng góp nhiều hưởng nhiều.

Bổ sung nhân sự cho bộ phận tổ chức bản thảo có đủ chuyên môn, nghiệp vụ để tổ chức bản thảo theo chương trình mới.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Bên cạnh việc thực hiện tốt các nhiệm vụ được phân công, Công ty thường xuyên chăm lo và thực hiện công tác xã hội, từ thiện, hỗ trợ ngành giáo dục các địa phương trên địa bàn được phân công phụ trách thông qua việc tặng sách, đồ dùng học tập cho các thư viện trường học, trao học bổng cho các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn, ủng hộ xây dựng nhà tình nghĩa cho giáo viên có hoàn cảnh khó khăn. Tổng giá trị thực hiện công tác xã hội, từ thiện và hỗ trợ ngành giáo dục các tỉnh trên địa bàn miền Trung trong năm 2023 là khoảng 2,1 tỷ đồng.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm 2023, Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng nhờ có sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Ban Lãnh đạo Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Ban lãnh đạo Nhà xuất bản Giáo dục Đà Nẵng; Sự kết hợp và hỗ trợ của các đơn vị thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam; Cùng với sự đoàn kết, sáng tạo, phấn đấu của tập thể lãnh đạo và CBCNV, Công ty đã tiếp tục vượt qua những khó khăn, phát huy tốt các nguồn lực và có được bước đi thích hợp: Hoàn thành tốt các nhiệm vụ chính trị; Giữ vững, tăng trưởng được số lượng phát hành, doanh thu, cổ tức của cổ đông và nâng cao đời sống vật chất tinh thần của người lao động; Cơ sở vật chất được ổn định và phát huy hiệu quả sử dụng; Uy tín cổ phiếu DAD trên sàn chứng khoán đã được củng cố.

Trong các cuộc họp định kỳ và bất thường, HĐQT đã thực hiện kiểm tra, giám sát chặt chẽ các hoạt động của Ban điều hành. Tổng giám đốc cũng thường xuyên chủ động báo cáo tình hình hoạt động, các khó khăn vướng mắc trong quá trình điều hành, quản trị Công ty.

Công ty luôn ý thức về việc tác động đến môi trường xung quanh. Khuyến khích lao động, nhân viên của Công ty sử dụng sản phẩm thân thiện với môi trường, tái sử dụng trong quá trình kinh doanh.

a. Hoạt động năm 2023 như sau:

- Kết quả hoạt động SXKD năm 2023 như sau

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2023		Tỉ lệ % so với kế hoạch 2023
			Kế hoạch	Thực hiện	
1	Doanh thu	Tỉ đồng	385	442,8	115
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỉ đồng	18,5	18,5	100
3	Cổ tức	%	15%	15%	-

- Chi trả cổ tức

Trong năm 2023, công ty đã hoàn thành việc chi trả cổ tức 15% của năm 2022 và HĐQT đã thông qua phương án tạm ứng trả cổ tức 2023 với tỉ lệ 15%.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động và nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT đã sát cánh cùng Ban Tổng giám đốc (BTGD) kịp thời đưa ra các quyết sách linh hoạt để đảm bảo mục tiêu phát triển an toàn – hiệu quả bền vững của Công ty. HĐQT theo dõi, giám sát và hỗ trợ BTGD trước những khó khăn vướng mắc, phát huy trách nhiệm cá nhân của các thành viên HĐQT. Nhờ có sự hỗ trợ và giám sát chặt chẽ đó nên các vấn đề lớn, các phát sinh nghiệp vụ phức tạp thuộc chức trách thẩm quyền của HĐQT đều được giải quyết nhanh chóng, hiệu quả. Sự phối hợp với BKS trong kiểm tra giám sát cũng được HĐQT quan tâm thực hiện, các báo cáo giám sát của BKS đều được phân tích kỹ lưỡng và chỉ đạo đề ra biện pháp khắc phục.

Đánh giá chung, BTGD Công ty đã tổ chức triển khai và điều hành các hoạt động SXKD theo nội dung chỉ đạo của HĐQT và nghị quyết ĐHĐCĐ. Trong quá trình triển khai, BTGD thường xuyên báo cáo HĐQT về tình hình SXKD cũng như tình hình tài chính và các mặt hoạt động khác của Công ty để có ý kiến chỉ đạo kịp thời.

Để phát huy những thành tích đã đạt được trong thời gian qua, BTGD cần nỗ lực hơn nữa trong công tác điều hành hoạt động sản xuất, đảm bảo lợi ích tốt nhất cho cổ đông.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

a. Định hướng mục tiêu nhiệm vụ SXKD năm 2024 cho Ban điều hành Công ty

• Phát huy các ưu điểm, kết quả đạt được trong năm 2023 và thẳng thắn nhìn nhận các tồn tại, khuyết điểm để khắc phục trong năm 2024 nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả công việc của từng CBNV, của từng phòng và của Công ty. Nghiêm túc thực hiện tiến độ công việc theo từng tháng, từng quý và đảm bảo hoàn thành kế hoạch đề tài theo kế hoạch.

- Triển khai xây dựng đội ngũ tác giả, kế hoạch đề tài theo Chương trình giáo dục phổ thông mới đã ban hành. Tăng cường quan hệ hợp tác với các Sở Giáo dục và Đào tạo các tỉnh để tìm kiếm, đề xuất đề tài sách tại các địa phương. Tổ chức biên soạn Sách giáo khoa địa phương tại TP. Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Bình lớp 5, lớp 9, lớp 12 theo phân công của NXBGDVN.

- Thực hiện việc cung ứng vật tư theo quy định của NXBGDVN và tăng cường công tác KCS sách nhập kho để đảm bảo đúng chất lượng cung ứng ra thị trường; Tăng cường các biện pháp nâng cao chất lượng quản lý các kho sách, vật tư không để tình trạng thiếu xảy ra. Làm việc với các nhà cung ứng vật tư, các nhà in, xưởng cắt rọc về kế hoạch nhập kho theo từng giai đoạn đảm bảo vật tư đủ đáp ứng nhu cầu in gia công, in đấu thầu.

- Đánh giá và dự báo nhu cầu thị trường - in - phát hành để đảm bảo việc tồn kho an toàn nhất; Gắn chặt chẽ với việc chỉ đạo chuyên môn của Lãnh đạo và các Phòng chuyên môn của các Sở Giáo dục và Đào tạo tại khu vực miền Trung; Tổ chức việc phát hành sách đến trường học thông qua hệ thống; Có biện pháp cải thiện kết quả phát hành SBT và STC tại các tỉnh có tỉ lệ bình quân thấp.

- Đa dạng hóa các sản phẩm của công ty qua hình thức liên kết phát hành các sản phẩm của các đơn vị thành viên NXBGDVN.

- Tổ chức các Hội thảo giới thiệu, tập huấn sử dụng sách giáo khoa lớp 5, 9, 12 của NXBGDVN theo chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018 theo phân công của NXBGDVN, cụ thể: Tổ chức Hội thảo giới thiệu sách giáo khoa lớp 5, 9, 12 tại 06 tỉnh, thành phố gồm: Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi. Riêng Hội thảo giới thiệu sách giáo khoa Tiếng Anh lớp 5, 9, 12 tổ chức tại tất cả 11 tỉnh thuộc khu vực miền Trung – Tây Nguyên.

- Tổ chức biên soạn tài liệu Giáo dục địa phương tại 04 tỉnh, thành phố theo phân công của NXBGDVN gồm: Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Bình. Trong thời gian tới, Công ty sẽ gửi tên đề tài theo đề xuất của các tỉnh để NXBGVN cấp phép xuất bản.

b. Kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2024

- Chỉ đạo Ban điều hành xây dựng kế hoạch và các giải pháp cụ thể nhằm đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu đề ra của ĐHCĐ thường niên 2024.

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát các hoạt động của BĐH và bộ máy giúp việc Công ty

- Tổ chức ĐHCĐ thường niên 2024, đề xuất trình Đại hội những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHCĐ.

- Tổ chức các phiên họp thường kỳ, bất thường để thảo luận, giám sát và thông qua các báo cáo kết quả hoạt động của Công ty, để chỉ đạo kịp thời và hiệu quả việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT.

- Tiếp tục rà soát, bổ sung và điều chỉnh các quy chế, quy trình, quy định của Công ty phù hợp với tình hình hoạt động SXKD.

IV. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị (Tại ngày 31/12/2023):

ST T	Họ tên	Chức vụ	Tỉ lệ sở hữu cổ phần (%)	Chức danh tại Công ty khác
1	Đặng Thanh Hải	CT.HĐQT	0	
2	Nguyễn Quang Dũng	PCT.HĐQT - Tổng Giám Đốc	0,30	
3	Ông Thừa Phú	UV.HĐQT	0	Giám đốc NXBGD tại TP. Đà Nẵng
4	Nguyễn Lê Văn	UV.HĐQT	0	CT HĐQT CTCP NVN Việt Nam
5	Huỳnh Ngọc Bảo	UV.HĐQT	0	
	Tổng cộng		0,3	

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Không có tiểu ban

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Đặng Thanh Hải	Chủ tịch	31/03/2022	6/6	100%	
2	Ông Nguyễn Quang Dũng	P. Chủ tịch	31/03/2022	6/6	100%	
3	Ông Ông Thừa Phú	Ủy viên	31/03/2022	6/6	100%	
4	Ông Nguyễn Lê Văn	Ủy viên	31/03/2022	6/6	100%	
5	Ông Huỳnh Ngọc Bảo	Ủy viên	24/03/2023	4/6	67%	Bỏ nhiệm từ ngày 24/03/2023
6	Bà Lê Ngọc	Ủy viên	31/03/2022	2/6	33%	Miễn nhiệm từ ngày 24/03/2023

Danh sách thay đổi thành viên HĐQT trong năm: ông Huỳnh Ngọc Bảo bổ nhiệm chức vụ Ủy viên HĐQT vào ngày 24/03/2023 thay cho bà Lê Ngọc miễn nhiệm chức vụ Ủy viên HĐQT vào ngày 24/03/2023

Trong năm, HĐQT đã đưa ra các Nghị quyết, Quyết định:

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	02/2023/NQ-HĐQT	03/02/2023	- Thông qua việc chọn ngày tổ chức đại hội cổ đông thường niên năm 2023 - Thông qua việc tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt năm 2022
2	03/BB-HĐQT-DEIDCO	06/03/2023	- Xin ý kiến về nội dung họp ĐHĐCĐ 2023
3	16/NQ-DEIDCO	24/03/2023	- Đồng ý việc vay vốn và nhu cầu tín dụng khác tại NH TMCP Công Thương Việt Nam – CN Bắc Đà Nẵng
4	18/NQ-DEIDCO	24/03/2023	- Đồng ý việc vay vốn và nhu cầu tín dụng khác tại NH TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Đà Nẵng
5	19/BB-DEIDCO	14/08/2023	- Triển khai công tác quý 3/2023
6	21/NQ-DEIDCO	21/12/2023	- Tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt năm 2023

2. Ban Kiểm soát:

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu thành viên BKS	Tỷ lệ sở hữu CP có biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu chứng khoán khác
1	Trần Công Thanh	Trưởng ban	31/03/2022	0	0
2	Huỳnh Thanh Long	Ủy viên	31/03/2022	0	0
3	Phạm Minh Nhật	Ủy viên	31/03/2022	0	0

b. Hoạt động của Ban kiểm soát

Các cuộc họp của BKS:

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Trần Công Thanh	Trưởng ban	6/6	100%	
2	Huỳnh Thanh Long	Ủy viên	6/6	100%	
3	Phạm Minh Nhật	Ủy viên	6/6	100%	

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

STT	CHỨC VỤ	THÙ LAO
1	Chủ tịch HĐQT	4.000.000 đ/tháng
2	Phó chủ tịch HĐQT	3.000.000 đ/tháng
3	Ủy viên HĐQT	2.000.000 đ/tháng
4	Trưởng BKS	1.500.000 đ/tháng
5	Ủy viên BKS	500.000 đ/tháng
6	Thư ký HĐQT	1.000.000 đ/tháng

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Mua hàng	Năm 2023	Năm 2022
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	238.624.445.448	184.870.539.124
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. HCM	5.467.372.846	4.380.165.581
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	1.169.695.248	2.697.632.034
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	2.151.174.736	6.365.185.492
Công ty CP Sách giáo dục tại Hà Nội	3.837.278.500	1.669.933.100
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	30.949.768.439	17.892.652.788
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	11.351.017.244	9.011.652.289
Công ty CP Học Liệu	521.400.000	615.600.000
Bán hàng	Năm 2023	Năm 2022
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định	7.507.052.070	11.866.552.662
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị	32.404.530.152	29.449.068.426
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	514.086.248	561.036.500
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	105.145.267	178.887.500
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	815.226.370	286.329.191
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	1.417.568.307	853.930.190
Công ty CP Sách & Thiết bị Giáo dục Miền Trung	1.050.563.902	1.099.856.342

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Đã hoạt động đúng pháp luật và các quy định về quản trị của Công ty

V. Báo cáo tài chính

Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Địa chỉ : Lô 78-80, đường 30 tháng 4, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

1. Ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính lập ngày 20/03/2024 của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 5 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

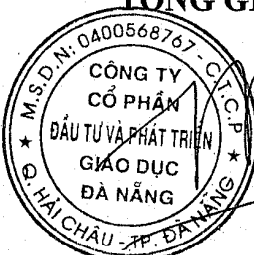
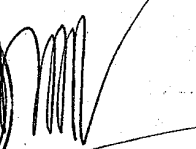
Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

(Phụ lục báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 đính kèm)

Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Công ty

TỔNG GIÁM ĐỐC *neal*



NGUYỄN QUANG DŨNG



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 31



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 311/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp) số 3203001382 ngày 04/04/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 8 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 08/06/2017 với mã số doanh nghiệp là 0400568767.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 467/QĐ – SGDHN ngày 13/08/2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán DAD. Ngày giao dịch chính thức là 19/08/2009.

Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 145 Lê Lợi, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại: (0236) 3889954
- Fax: (0236) 3889957
- Website: www.iseebooks.vn

Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
- Dạy nghề. Chi tiết: Đào tạo nghề: tin học, ngoại ngữ;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng dân dụng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ địa ốc. Kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi, mặt bằng kinh doanh, văn phòng làm việc;
- In ấn. Chi tiết: Tổ chức liên kết xuất bản, in và phát hành các loại sách bổ trợ sách giáo khoa và các ấn phẩm khác;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất: Thiết bị dụng cụ giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh và lịch các loại.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 58 người, trong đó cán bộ quản lý là 9 người.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

• Ông Đặng Thanh Hải	Chủ tịch	Bổ nhiệm lại ngày 31/03/2022
• Ông Nguyễn Quang Dũng	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 31/03/2022
• Ông Ông Thừa Phú	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 31/03/2022
• Ông Nguyễn Lê Văn	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 31/03/2022
• Ông Huỳnh Ngọc Bảo	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 24/03/2023
• Bà Lê Ngọc	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 31/03/2022 Miễn nhiệm ngày 24/03/2023

Ban Kiểm soát

• Ông Trần Công Thanh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 31/03/2022
• Ông Huỳnh Thanh Long	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 31/03/2022
• Ông Phạm Minh Nhật	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 31/03/2022

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Nguyễn Quang Dũng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20/05/2017
• Ông Huỳnh Ngọc Bảo	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26/03/2020
• Ông Nguyễn Duy Nhâm	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/09/2022
• Bà Lê Ngọc	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 20/05/2017

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính


Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Nguyễn Quang Dũng

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 03 năm 2024



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 351/2024/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính lập ngày 20/03/2024 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 5 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2023-010-1

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 03 năm 2024

Phan Văn Sĩ – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4040-2022-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT -

BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		141.313.121.479	140.650.881.538
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	53.762.116.091	53.910.282.199
1. Tiền	111		6.662.116.091	1.927.516.244
2. Các khoản tương đương tiền	112		47.100.000.000	51.982.765.955
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		19.116.600.000	15.080.600.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	6a	4.237.145.000	4.237.145.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6a	(120.545.000)	(156.545.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		15.000.000.000	11.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		39.384.681.573	25.888.755.749
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7a	37.416.694.825	21.337.626.114
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	1.285.669.504	4.996.219.395
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	1.912.380.881	830.610.918
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(1.230.063.637)	(1.275.700.678)
IV. Hàng tồn kho	140	11	27.107.143.181	43.096.373.082
1. Hàng tồn kho	141		39.741.287.598	66.031.740.922
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(12.634.144.417)	(22.935.367.840)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.942.580.634	2.674.870.508
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12a	1.942.580.634	2.674.870.508
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		25.089.800.870	26.794.320.038
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		18.053.854.186	19.689.169.438
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	10.177.338.186	11.812.490.438
- Nguyên giá	222		22.202.999.597	23.048.916.756
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.025.661.411)	(11.236.426.318)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	7.876.516.000	7.876.679.000
- Nguyên giá	228		8.164.999.000	8.114.999.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(288.483.000)	(238.320.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		6.799.500.000	6.799.500.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	6b	5.449.500.000	5.449.500.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6b	1.350.000.000	1.350.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		236.446.684	305.650.600
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12b	236.446.684	305.650.600
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		166.402.922.349	167.445.201.576

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		68.349.328.053	72.989.761.413
I. Nợ ngắn hạn	310		68.349.328.053	72.989.761.413
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15a	28.329.346.481	34.440.473.113
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	565.406.489	2.060.111.432
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	1.583.113.583	1.612.864.407
4. Phải trả người lao động	314		6.679.945.513	5.314.287.365
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	30.260.971.870	28.448.415.800
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	31.132.200
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	25.940.869	28.803.025
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		904.603.248	1.053.674.071
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		98.053.594.296	94.455.440.163
I. Vốn chủ sở hữu	410		98.053.594.296	94.455.440.163
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	20	50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Cổ phiếu quỹ	415	20	(2.907.360.967)	(2.907.360.967)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	20	9.929.566.232	9.223.769.290
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20	41.031.389.031	38.139.031.840
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		31.150.231.840	28.016.507.280
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		9.881.157.191	10.122.524.560
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		166.402.922.349	167.445.201.576



Nguyễn Quang Dũng

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 03 năm 2024

Kế toán trưởng

Lê Ngọc

Người lập biểu

Lê Thị Diệu Hiền

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Mẫu số B 02 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	21	472.121.629.007	402.975.025.821
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	32.311.744.546	36.444.032.465
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		439.809.884.461	366.530.993.356
4. Giá vốn hàng bán	11	23	358.569.079.061	285.695.445.644
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		81.240.805.400	80.835.547.712
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	2.668.073.202	2.582.142.759
7. Chi phí tài chính	22	25	1.473.351.352	526.199.561
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	374.976.134	-
8. Chi phí bán hàng	25	26	40.149.696.145	40.406.184.276
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	24.127.564.351	23.081.601.236
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		18.158.266.754	19.403.705.398
11. Thu nhập khác	31	28	365.055.001	2.159.018
12. Chi phí khác	32		-	83.638
13. Lợi nhuận khác	40		365.055.001	2.075.380
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		18.523.321.755	19.405.780.778
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	4.407.382.912	4.945.031.406
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		14.115.938.843	14.460.749.372
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	2.272	2.328
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	30	2.272	2.328



Tổng Giám đốc

Nguyễn Quang Dũng

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 03 năm 2024

Kế toán trưởng

Lê Ngọc

Người lập biểu

Lê Thị Diệu Hiền

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Mẫu số B 03 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		408.560.464.659	364.082.777.313
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(368.910.657.627)	(306.709.391.654)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(16.672.869.123)	(12.342.515.696)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	18,25	(374.976.134)	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	17	(4.662.043.875)	(4.823.556.103)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		629.972.829	718.749.180
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(9.960.887.101)	(9.825.383.045)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		8.609.003.628	31.100.679.995
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	13	(646.612.066)	(2.678.500.000)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	13,28	365.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	6b	(15.000.000.000)	(11.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	6b	11.000.000.000	12.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9,24	2.513.242.330	2.705.463.205
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.768.369.736)	1.026.963.205
1. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	20e	(6.988.800.000)	(6.988.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(6.988.800.000)	(6.988.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(148.166.108)	25.138.843.200
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	53.910.282.199	28.771.438.999
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	53.762.116.091	53.910.282.199



Nguyễn Quang Dũng

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 03 năm 2024

Kế toán trưởng

Lê Ngọc

Người lập biểu

Lê Thị Diệu Hiền

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động**1.1. Khái quát chung**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 311/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp) số 3203001382 ngày 04/04/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 8 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 08/06/2017 với mã số doanh nghiệp là 0400568767.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 467/QĐ – SGDHN ngày 13/08/2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán DAD. Ngày giao dịch chính thức là 19/08/2009.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: In và phát hành sách.**1.3. Ngành nghề kinh doanh**

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
- Dạy nghề. Chi tiết: Đào tạo nghề: tin học, ngoại ngữ;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng dân dụng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ địa ốc. Kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi, mặt bằng kinh doanh, văn phòng làm việc;
- In ấn. Chi tiết: Tổ chức liên kết xuất bản, in và phát hành các loại sách hỗ trợ sách giáo khoa và các ấn phẩm khác;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất: Thiết bị dụng cụ giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh và lịch các loại.

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại thời điểm 31/12/2023 Công ty có hai Công ty liên kết là:

- Công ty Cổ phần In & Dịch vụ Đà Nẵng;
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nếu có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ bị giảm so với giá trị ghi sổ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

Đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của công ty liên kết nhưng không phải kiểm soát hoặc đồng kiểm soát các chính sách này. Mối quan hệ là công ty liên kết thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết được lập nếu các khoản đầu tư này bị suy giảm giá trị hoặc bị lỗ dẫn đến khả năng mất vốn của Công ty. Riêng khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***Khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được xác định căn cứ vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6
Thiết bị dụng cụ quản lý	3

4.6 Tài sản cố định vô hình**Nguyên giá**

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn nên không thực hiện khấu hao.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Website	5

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ.

- Tiền thuê đất đã trả trước cho toàn bộ thời gian thuê và các chi phí liên quan được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 12 tháng;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.9 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến các khoản lãi vay phải trả, các khoản hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.10 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện tại Công ty là các khoản tiền nhận trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán đối với các dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng được phân bổ theo số kỳ mà Công ty đã nhận tiền trước.

4.11 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.14 Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu phát sinh tại Công ty là hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.15 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.16 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính. Chi phí tài chính của Công ty gồm: chi phí lãi vay, chiết khấu thanh toán cho người mua, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

4.17 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng được ghi nhận trong kỳ là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận là các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.18 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

4.19 Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính, phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.20 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
 - ✓ Đối với sản phẩm sách giáo khoa và sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa: Thuộc đối tượng không chịu thuế;
 - ✓ Đối với sản phẩm sách tham khảo không hỗ trợ cho sách giáo khoa và thiết bị giáo dục: Áp dụng thuế suất là 5%;
 - ✓ Đối với sản phẩm lịch các loại và văn phòng phẩm: Áp dụng thuế suất là 10%. Từ 01/07/2023 đến ngày 31/12/2023, Công ty được giảm 2% thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với một số mặt hàng theo quy định tại Nghị quyết 101/2023/QH15 ngày 24/06/2023 của Quốc hội.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023	01/01/2023
Tiền mặt	171.929.777	2.509.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.490.186.314	1.925.007.244
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	47.100.000.000	51.982.765.955
Cộng	53.762.116.091	53.910.282.199

6. Đầu tư tài chính**a. Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2023			01/01/2023		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu niêm yết (*)						
- Công ty CP Sách và TBTH TP.HCM (STC)	408.545.000	288.000.000	120.545.000	408.545.000	252.000.000	156.545.000
- Công ty CP Sách GD tại TP Đà Nẵng (DAE)	3.828.600.000	4.428.000.000	-	3.828.600.000	4.738.140.000	-
Cộng	4.237.145.000	4.716.000.000	120.545.000	4.237.145.000	4.990.140.000	156.545.000

(*) Chứng khoán kinh doanh được đánh giá lại theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá giao dịch trên thị trường. Theo đó, đối với các chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch chứng khoán thì giá thị trường là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2023			01/01/2023			
	Tỷ lệ vốn	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết		5.449.500.000	-	-	5.449.500.000	-	-
- Công ty CP In & Dịch vụ Đà Nẵng (1)	20%	2.530.000.000	-	-	2.530.000.000	-	-
- Công ty CP Sách & TB Bình Định (BDB) (2)	25,92%	2.919.500.000	-	2.715.135.000	2.919.500.000	-	3.153.060.000
Đầu tư vào đơn vị khác		1.350.000.000	-	-	1.350.000.000	-	-
- Công ty CP DV Xuất bản GD Đà Nẵng (3)	8,76%	350.000.000	-	-	350.000.000	-	-
- Công ty CP Sách & TBGD Miền Nam (SMN) (4)	2,27%	1.000.000.000	-	1.320.000.000	1.000.000.000	-	1.300.000.000
Cộng		6.799.500.000	-	-	6.799.500.000	-	-

Tất cả các Công ty nhận đầu tư đều không có lỗ lũy kế, vốn chủ sở hữu được bảo toàn.

(1), (3) Các cổ phiếu này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của các cổ phiếu này tại thời điểm 31/12/2023. Do đó, Công ty không có cơ sở xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn này.

(2), (4) Cổ phiếu của các công ty này đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Theo đó, giá trị hợp lý của cổ phiếu này được xác định căn cứ vào giá đóng cửa của cổ phiếu tại ngày 31/12/2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

7. Phải thu của khách hàng**a. Ngắn hạn**

	31/12/2023	01/01/2023
Công ty TNHH Sách và Thiết bị Giáo dục Quảng Nam	5.866.971.366	2.905.072.428
Công ty CP Sách - Thiết Bị Quảng Ngãi	11.564.281.169	1.520.450.337
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Thừa Thiên Huế	6.313.821.386	3.406.797.450
Các đối tượng khác	13.671.620.904	13.505.305.899
Cộng	<u>37.416.694.825</u>	<u>21.337.626.114</u>

b. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2023	01/01/2023
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị	4.014.276.250	2.009.364.646
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định	17.492.345	207.972.805

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Công ty TNHH TM và DV P.C.C.C Nguyễn Nam Hải	869.096.632	434.548.316
Các đối tượng khác	416.572.872	4.561.671.079
Cộng	<u>1.285.669.504</u>	<u>4.996.219.395</u>

9. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	879.613.852	-	551.280.146	-
Phải thu khác	1.032.767.029	-	279.330.772	-
- <i>Lãi dự thu</i>	434.161.644	-	279.330.772	-
- <i>Các khoản khác</i>	598.605.385	-	-	-
Cộng	<u>1.912.380.881</u>	<u>-</u>	<u>830.610.918</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2023	01/01/2023
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn	1.230.063.637	1.275.700.678
- Trên 3 năm	1.160.511.194	1.213.949.044
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	-	61.751.634
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	6.495.040	-
- Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	63.057.403	-
Cộng	1.230.063.637	1.275.700.678

11. Hàng tồn kho

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	4.225.800.416	-	3.081.501.799	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	12.606.273.370	-	11.827.281.020	-
Thành phẩm	6.755.833.347	5.016.463.577	51.122.958.103	22.935.367.840
Hàng hóa	16.153.380.465	7.617.680.840	-	-
Cộng	39.741.287.598	12.634.144.417	66.031.740.922	22.935.367.840

12. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Thuê GTGT đầu vào không được khấu trừ chờ phân bổ	1.781.404.075	2.615.496.286
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	-	1.597.222
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	161.176.559	57.777.000
Cộng	1.942.580.634	2.674.870.508

b. Dài hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Chi phí thuê đất Khu công nghiệp Hòa Cầm (*)	236.446.684	305.650.600
Cộng	236.446.684	305.650.600

(*) Công ty đã mua lại quyền thuê đất tại Khu Công nghiệp Hòa Cầm của Công ty Cổ phần In Sách Giáo Khoa Hòa Phát theo Hợp đồng chuyển nhượng ngày 04/09/2009. Theo đó, thời hạn thuê đất sẽ kết thúc vào ngày 22/05/2027.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***13. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	15.491.542.983	6.885.209.091	672.164.682	23.048.916.756
Mua sắm trong năm	162.063.750	-	-	162.063.750
Thanh lý, nhượng bán	-	1.007.980.909	-	1.007.980.909
Số cuối năm	15.653.606.733	5.877.228.182	672.164.682	22.202.999.597
Khấu hao				
Số đầu năm	7.768.925.320	2.830.252.317	637.248.681	11.236.426.318
Khấu hao trong năm	815.532.000	967.716.000	13.968.002	1.797.216.002
Thanh lý, nhượng bán	-	1.007.980.909	-	1.007.980.909
Số cuối năm	8.584.457.320	2.789.987.408	651.216.683	12.025.661.411
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	7.722.617.663	4.054.956.774	34.916.001	11.812.490.438
Số cuối năm	7.069.149.413	3.087.240.774	20.947.999	10.177.338.186

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 1.211.178.364 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình dùng để cầm cố thế chấp, đảm bảo khoản vay tại ngày 31/12/2023.

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	7.799.999.000	315.000.000	8.114.999.000
Mua sắm trong năm	-	50.000.000	50.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối năm	7.799.999.000	365.000.000	8.164.999.000
Khấu hao			
Số đầu năm	-	238.320.000	238.320.000
Khấu hao trong năm	-	50.163.000	50.163.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối năm	-	288.483.000	288.483.000
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	7.799.999.000	76.680.000	7.876.679.000
Số cuối năm	7.799.999.000	76.517.000	7.876.516.000

- Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài có nguyên giá 7.799.999.000 đồng tại 145-147 Lê Lợi, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng hiện sử dụng làm trụ sở Công ty.
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 85.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Phải trả người bán

a. Ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	22.584.017.348	17.738.582.529
Các đối tượng khác	5.745.329.133	16.701.890.584
Cộng	28.329.346.481	34.440.473.113

b. Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2023	01/01/2023
Công ty TNHH Một thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	106.300.000	-
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	22.584.017.348	17.738.582.529
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	188.335.826	4.939.606.094
Công ty CP Sách và TBTH Thành phố Hồ Chí Minh	566.495.743	896.779.581
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	2.388.199.446	2.409.791.746
Công ty CP Sách Dịch và Từ điển giáo dục	23.264.000	23.264.000
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	68.185.714	197.632.034
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	53.046.860	16.125.450
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	-	390.019.319
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	221.745.500	191.045.600
Công ty CP Phát hành Sách Giáo dục	230.889.410	382.729.730

16. Người mua trả tiền trước

	31/12/2023	01/01/2023
Công ty TNHH Crown Worldwide	316.800.000	316.800.000
Công ty CP Phát triển Giáo dục Quảng Nam	99.069.508	85.538.863
Công ty CP Dịch vụ Vận tải Lam Đọt	146.526.825	183.540.990
Các đối tượng khác	3.010.156	1.474.231.579
Cộng	565.406.489	2.060.111.432

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	70.022.405	1.282.054.661	1.149.414.660	202.662.406
Thuế thu nhập doanh nghiệp	929.288.054	4.407.382.912	4.662.043.875	674.627.091
Thuế thu nhập cá nhân	613.553.948	1.450.753.892	1.358.483.754	705.824.086
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	1.612.864.407	7.143.191.465	7.172.942.289	1.583.113.583

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Phí quản lý xuất bản, tổ chức bàn thảo, bản quyền	30.260.971.870	28.448.415.800
Cộng	30.260.971.870	28.448.415.800

19. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2023	01/01/2023
Kinh phí công đoàn	10.485.128	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả cho chủ sở hữu	320.000	320.000
Phải trả khác	15.135.741	28.483.025
Cộng	25.940.869	28.803.025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2022	50.000.000.000	(2.907.360.967)	8.500.731.821	35.696.564.128
Tăng trong năm	-	-	723.037.469	14.460.749.372
Giảm trong năm	-	-	-	12.018.281.660
Số dư tại 31/12/2022	50.000.000.000	(2.907.360.967)	9.223.769.290	38.139.031.840
Số dư tại 01/01/2023	50.000.000.000	(2.907.360.967)	9.223.769.290	38.139.031.840
Tăng trong năm	-	-	705.796.942	14.115.938.843
Giảm trong năm	-	-	-	11.223.581.652
Số dư tại 31/12/2023	50.000.000.000	(2.907.360.967)	9.929.566.232	41.031.389.031

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2023	01/01/2023
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	20.750.000.000	20.750.000.000
Các cổ đông khác	25.842.000.000	25.842.000.000
Mệnh giá cổ phiếu quỹ	3.408.000.000	3.408.000.000
Cộng	50.000.000.000	50.000.000.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	340.800	340.800
- Cổ phiếu phổ thông	340.800	340.800
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.659.200	4.659.200
- Cổ phiếu phổ thông	4.659.200	4.659.200
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2023	Năm 2022
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	38.139.031.840	35.696.564.128
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp năm nay	14.115.938.843	14.460.749.372
Phân phối lợi nhuận	11.223.581.652	12.018.281.660
Phân phối lợi nhuận năm trước	6.988.800.000	7.680.056.848
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	691.256.848
- Chia cổ tức cho các cổ đông	6.988.800.000	6.988.800.000
Tạm phân phối lợi nhuận năm nay (*)	4.234.781.652	4.338.224.812
- Trích quỹ đầu tư phát triển (5%)	705.796.942	723.037.469
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.823.187.768	2.892.149.874
- Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (5%)	705.796.942	723.037.469
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	41.031.389.031	38.139.031.840

(*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2022 và tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 số 14/NQ-DEIDCO-ĐHĐCĐ ngày 24/03/2023.

e. Cổ tức

Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 số 14/NQ-DEIDCO-ĐHĐCĐ ngày 24/03/2023 đã thông qua phương án chi trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2022 bằng tiền với tỷ lệ 15%/vốn điều lệ (trung ứng: 6.988.800.000 đồng). Theo đó, Công ty chốt danh sách cổ đông vào ngày 24/02/2023 và đã chi trả cổ tức trong năm.

Nghị quyết Hội đồng quản trị số 21/NQ-HĐQT ngày 21/12/2023 đã thông qua phương án tạm ứng cổ tức năm 2023 bằng tiền mặt là 15%. Theo đó, Công ty đã thông báo ngày chốt danh sách cổ đông hưởng cổ tức năm 2023 là ngày 08/01/2024, ngày thực hiện thanh toán cổ tức là 19/01/2024.

21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2023	Năm 2022
Tổng doanh thu	472.121.629.007	402.975.025.821
+ Doanh thu sách hỗ trợ, sách giáo khoa	447.211.134.624	379.177.058.978
+ Doanh thu sách tham khảo	15.926.156.879	17.260.164.383
+ Doanh thu hoạt động khác	8.984.337.504	6.537.802.460
Cộng	472.121.629.007	402.975.025.821

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2023	Năm 2022
Hàng bán bị trả lại	32.311.744.546	36.444.032.465
+ Hàng bán bị trả lại sách hỗ trợ, sách giáo khoa	30.592.530.115	35.571.758.758
+ Hàng bán bị trả lại sách tham khảo	1.655.505.046	869.493.860
+ Hàng bán bị trả lại khác	63.709.385	2.779.847
Cộng	32.311.744.546	36.444.032.465

23. Giá vốn hàng bán

	Năm 2023	Năm 2022
Giá vốn hàng bán	368.870.302.484	280.593.529.924
+ Giá vốn sách hỗ trợ, sách giáo khoa	352.428.601.017	261.466.147.442
+ Giá vốn sách tham khảo	10.023.270.495	13.609.419.263
+ Giá vốn hoạt động khác	6.418.430.972	5.517.963.219
(Hoàn nhập)/Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(10.301.223.423)	5.101.915.720
Cộng	358.569.079.061	285.695.445.644

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023	Năm 2022
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.968.123.202	1.566.226.443
Chiết khấu thanh toán	-	28.806.316
Cổ tức, lợi nhuận được chia	699.950.000	987.110.000
Cộng	2.668.073.202	2.582.142.759

25. Chi phí tài chính

	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí lãi vay	374.976.134	-
Chiết khấu thanh toán nhanh	1.134.375.218	457.199.561
(Hoàn nhập)/Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tồn thất đầu tư	(36.000.000)	69.000.000
Cộng	1.473.351.352	526.199.561

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. Chi phí bán hàng

	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí vận chuyển, bốc xếp hàng hóa	8.207.150.078	8.003.396.588
Chi phí nhân viên bán hàng	9.975.702.171	8.854.187.771
Các khoản khác	21.966.843.896	23.548.599.917
- Chi phí khấu hao	452.100.002	470.900.002
- Chi phí giao dịch, hội nghị, khánh tiết	6.869.133.658	8.720.681.115
- Chi phí tuyên truyền quảng cáo, giới thiệu sách, tập huấn,...	12.906.594.282	11.961.016.964
- Chi phí khác	1.739.015.954	2.396.001.836
Cộng	40.149.696.145	40.406.184.276

27. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí giao dịch, hội nghị, khánh tiết	5.009.659.238	5.903.684.483
Chi phí nhân viên quản lý	9.976.743.875	8.856.652.796
Các khoản khác	9.141.161.238	8.321.263.957
- Chi phí khấu hao	1.395.279.000	1.010.647.497
- (Hoàn nhập)/Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	(45.637.041)	(432.928.973)
- Chi phí khác	7.791.519.279	7.743.545.433
Cộng	24.127.564.351	23.081.601.236

28. Thu nhập khác

	Năm 2023	Năm 2022
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	365.000.000	-
Các khoản khác	55.001	2.159.018
Cộng	365.055.001	2.159.018

29. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2023	Năm 2022
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	18.523.321.755	19.405.780.778
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	3.513.592.805	5.319.376.250
Điều chỉnh tăng (chi phí không hợp lệ)	4.213.542.805	6.306.486.250
Điều chỉnh giảm (Cổ tức, lợi nhuận được chia)	699.950.000	987.110.000
Tổng thu nhập chịu thuế	22.036.914.560	24.725.157.028
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.407.382.912	4.945.031.406

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***30. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2023	Năm 2022
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	14.115.938.843	14.460.749.372
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(3.528.984.710)	(3.615.187.343)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi, thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát)	3.528.984.710	3.615.187.343
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.586.954.133	10.845.562.029
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	4.659.200	4.659.200
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.272	2.328

31. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.170.752.593	38.860.573.296
Chi phí nhân công	19.952.446.046	17.710.840.567
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.847.379.002	1.481.547.499
Chi phí dịch vụ mua ngoài	64.739.592.446	64.377.461.042
Chi phí khác bằng tiền	29.954.795.775	31.798.104.789
Cộng	134.664.965.862	154.228.527.193

32. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là phát hành sách và một bộ phận địa lý chính là các tỉnh Miền Trung, Việt Nam.

33. Quản lý rủi ro**a. Quản lý rủi ro vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất, rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để đưa ra các quyết định về lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty nhưng đồng thời vẫn kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được, ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Chi phí giấy và chi phí công in là 2 khoản chi phí chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng chi phí sản xuất. Đối với chi phí công in thì các nhà in chính của Công ty đều thuộc hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam nên giá cả ổn định, ít biến động. Đối với chi phí giấy, để đảm bảo tính ổn định giá thành sản phẩm, Công ty thường xuyên theo dõi tình hình biến động giá để có phương án dự trữ nguyên vật liệu phù hợp. Do đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro do biến động giá của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng truyền thống của Công ty chủ yếu là các công ty Sách và Thiết bị tại các tỉnh, phát sinh giao dịch thường xuyên, tình hình thanh toán kịp thời nên Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với nhóm khách hàng này. Đối với nhóm khách hàng đại lý, hiện nay tồn tại một số khoản nợ đã quá hạn thanh toán, Công ty quản lý rủi ro này bằng cách tăng cường các biện pháp thu hồi nợ và trích lập dự phòng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty rủi ro tín dụng của Công ty ở mức kiểm soát được.

Rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhân rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2023	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	28.329.346.481	-	28.329.346.481
Chi phí phải trả	30.260.971.870	-	30.260.971.870
Phải trả khác	15.455.741	-	15.455.741
Cộng	58.605.774.092	-	58.605.774.092
01/01/2023	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	34.440.473.113	-	34.440.473.113
Chi phí phải trả	28.448.415.800	-	28.448.415.800
Phải trả khác	28.803.025	-	28.803.025
Cộng	62.917.691.938	-	62.917.691.938

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2023	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	53.762.116.091	-	53.762.116.091
Đầu tư tài chính	19.116.600.000	1.350.000.000	20.466.600.000
Phải thu khách hàng	36.186.631.188	-	36.186.631.188
Phải thu khác	1.032.767.029	-	1.032.767.029
Cộng	110.098.114.308	1.350.000.000	111.448.114.308
01/01/2023	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	53.910.282.199	-	53.910.282.199
Đầu tư tài chính	15.080.600.000	1.350.000.000	16.430.600.000
Phải thu khách hàng	20.061.925.436	-	20.061.925.436
Phải thu khác	279.330.772	-	279.330.772
Cộng	89.332.138.407	1.350.000.000	90.682.138.407

34. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định	Công ty liên kết
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Đơn vị phụ thuộc của Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. HCM	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Phát hành Sách Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP In-PHS & Thiết bị Trường học Quảng Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. HCM	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Học Liệu	Chung công ty đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm

Mua hàng	Năm 2023	Năm 2022
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	238.624.445.448	184.870.539.124
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. HCM	5.467.372.846	4.380.165.581
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	1.169.695.248	2.697.632.034
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	2.151.174.736	6.365.185.492
Công ty CP Sách giáo dục tại Hà Nội	3.837.278.500	1.669.933.100
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	30.949.768.439	17.892.652.788
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	11.351.017.244	9.011.652.289
Công ty CP Học Liệu	521.400.000	615.600.000
Bán hàng	Năm 2023	Năm 2022
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định	7.507.052.070	11.866.552.662
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị	32.404.530.152	29.449.068.426
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	514.086.248	561.036.500
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	105.145.267	178.887.500
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	815.226.370	286.329.191
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	1.417.568.307	853.930.190
Công ty CP Sách & Thiết bị Giáo dục Miền Trung	1.050.563.902	1.099.856.342

c. Thù lao và lương của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2023	Năm 2022
Thù lao Hội đồng quản trị	156.000.000	150.000.000
Ông Đặng Thanh Hải Chủ tịch	48.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Quang Dũng Thành viên	36.000.000	36.000.000
Ông Ông Thừa Phú Thành viên	24.000.000	18.000.000
Ông Nguyễn Lê Văn Thành viên	24.000.000	24.000.000
Ông Huỳnh Ngọc Bảo Thành viên từ ngày 24/03/2023	18.000.000	-
Bà Lê Ngọc Thành viên đến ngày 24/03/2023	6.000.000	24.000.000
Thù lao Ban Kiểm soát	30.000.000	28.500.000
Tiền lương của Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng	2.565.342.870	1.842.783.849

35. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

36. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi AAC.



Tổng Giám đốc
Nguyễn Quang Dũng

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 03 năm 2024

Kế toán trưởng


Lê Ngọc

Người lập biểu


Lê Thị Diệu Hiền

